

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020,
của huyện Lạng Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh thông qua Danh mục các công trình, dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của: UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình số 14/TTr- UBND ngày 24/3/2017; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 210/TTr-TNMT ngày 5/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lạng Giang, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh diện tích khoảng 1,3 ha đất trồng lúa nước sang đất an ninh tại 2 xã Tân Thịnh và Quang Thịnh.

Lý do điều chỉnh: Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Công văn số 140/CAT- PH41 ngày 24/02/2017.

2. Điều chỉnh diện tích khoảng 2,79 ha, (trong đó 2,52 ha đất trồng lúa, 0,27 ha đất khác) sang đất công trình năng lượng.

Địa điểm: tại các xã Tân Thanh, Tiên Lục, Yên Mỹ, Hương Lạc, Tân Hưng, Dương Đức, Mỹ Hà, Mỹ Thái, Hương Sơn, Tân Thịnh.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Quyết định 1947/QĐ- UBND này 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025; các Công văn của Chủ tịch

UBND tỉnh: số 220/UBND-ĐT ngày 23/01/2017 cho phép thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Đại Hoàng Dương; số 601/UBND-ĐT ngày 7/3/2017 cho phép thực hiện dự án đầu tư của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Hải Việt Tiên Lục; số 716/UBND-ĐT ngày 15/3/2017 cho phép thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Thăng Hà; số 769/UBND-ĐT ngày 21/3/2017 cho phép thực hiện dự án đầu tư của Công ty cổ phần Hoàng Mạnh;

3. Điều chỉnh diện tích khoảng 11,15 ha đất (trong đó 10,25 ha đất trồng lúa; 0,9 ha đất nông nghiệp khác) sang đất thương mại, dịch vụ.

Địa điểm: tại các xã: Tân Dĩnh, Thái Đào, Tân Hưng, Tân Thịnh, Xương Lâm.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết 30/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; Công văn số 342/UBND-ĐT ngày 10/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh cho phép thực hiện dự án đầu tư của công ty cổ phần liên doanh thương mại Gilsang;

4. Điều chỉnh diện tích khoảng 33,05 ha đất (trong đó có: 14,4 ha đất trồng lúa; 3,85 ha đất nông nghiệp khác và 4,0 ha đất rừng sản xuất) sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

Địa điểm: tại các xã Tân Thanh, Tân Dĩnh, Đại Lâm, Mỹ Hà, Hương Sơn, Xuân Hương, Dương Đức, Thái Đào và Tân Hưng, huyện Lạng Giang.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; Quyết định số 20/QĐ- UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước sạch DNP- Bắc Giang; Quyết định số 333/QĐ- UBND ngày 8/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung quy hoạch một số cơ sở, điểm sản xuất gạch vào quy hoạch phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Công văn số 919/UBND-ĐT ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh cho phép thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Thành Đạt NH Tech.

5. Điều chỉnh diện tích khoảng 1,0 ha đất (trong đó có: 0,7 ha đất trồng lúa và 0,3 ha đất nông nghiệp khác) sang đất Giáo dục - Đào tạo.

Địa điểm: tại các xã: Đào Mỹ và Dương Đức.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;

6. Điều chỉnh diện tích khoảng 8,21 ha đất trồng lúa khác sang đất bãi thải, xử lý chất thải.

Địa điểm: tại các xã: Hương Sơn, Tân Thanh, Nghĩa Hưng, Hương Lạc, Mỹ Thái, Tiên Lục, Nghĩa Hoà, Dương Đức, Thái Đào, Phi Mô, Xương Lâm và Yên Mỹ.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;

7. Điều chỉnh diện tích khoảng 39,80 ha đất (trong đó có: 36,89 ha đất trồng lúa nước và 2,91 ha đất nông nghiệp khác) sang đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết 30/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;

8. Điều chỉnh diện tích khoảng 0,25 ha đất trồng lúa sang đất chợ tại xã Dương Đức.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;

9. Điều chỉnh diện tích khoảng khoảng 28,35 ha đất (trong đó có: 10,35 ha đất trồng lúa khác; 10,0 ha đất nông nghiệp khác và 8,0 ha đất bằng chưa sử dụng) sang đất nuôi trồng thủy sản.


Địa điểm: tại các xã Thái Đào, Đại Lâm và Tân Thanh.

Lý do điều chỉnh: Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh;

(Chi tiết diện tích, loại đất điều chỉnh quy hoạch theo biểu đính kèm)

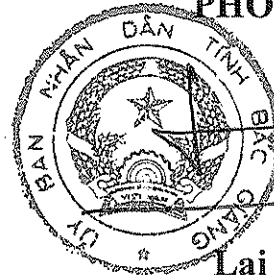
Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Lạng Giang có trách nhiệm: công bố công khai quy hoạch sử dụng đất và tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Đất đai

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN. Thắng.

Bản điện tử:
- VP UBND tỉnh;
+ CVP, PVP ĐT;
+ Trung tâm Tin học;

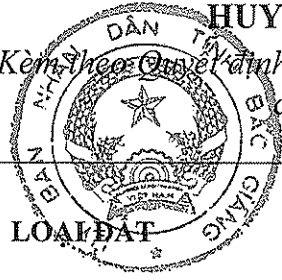
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lại Thanh Sơn

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020
HUYỆN LẠNG GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 203 /QĐ- UBND ngày 14 /4/2017
của UBND tỉnh)*



TT	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa điểm
I	Đất an ninh	CAN	1,30	1,30	
1	Trạm CSGT Cầu Luồng	CAN	1,30	1,30	Xã: Tân Thịnh và Quang Thịnh
II	Đất công trình năng lượng	TMD	2,79	2,52	
2	Xây dựng cửa hàng xăng dầu		2,17	1,90	Các xã: Tân Thanh, Tiên Lục, Yên Mỹ, Hương Lạc, Tân Hưng, Dương Đức, Mỹ Hà, Mỹ Thái
3	Xây dựng đường dây 220kV Bắc Giang - Lạng Sơn	DNL	0,52	0,52	Xã Đại Lâm, Thái Đào và Hương Sơn
4	Xây dựng Nhà trực vận hành	DNL	0,10	0,10	Tại xã Tiên Lục và Tân Thịnh
III	Đất thương mại dịch vụ		11,15	10,25	
5	Xây dựng cơ sở thương mại, dịch vụ	TMD	2,40	2,40	Thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh
6	Xây dựng các cơ sở thương mại, dịch vụ	TMD	1,60	0,70	Thôn Hậu, xã Đại Lâm; thôn Vạc và Cống, xã Thái Đào
7	Dự án XD Showroom trưng bày và dịch vụ bảo hành, bảo trì xe ô tô (Công ty Oto Trường Hải)	TMD	2,00	2,00	Xã Tân Dĩnh
8	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,00	5,00	Thôn Lèo và Sậm, xã Tân Thịnh
9	Đất kinh doanh, dịch vụ (Quỹ tín dụng)	TMD	0,05	0,05	Xã Tân Hưng
10	Đất kinh doanh, dịch vụ (Quỹ tín dụng)	TMD	0,10	0,10	xã Xương Lâm
III	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	33,05	14,40	
11	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	4,00		Thôn Tê, xã Tân Thanh
12	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	3,20	3,20	Thôn Tân Mới và Dĩnh Tân, xã Tân Dĩnh
13	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	1,50	0,70	Thôn Biếc. xã Đại Lâm

14	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	2,00		Thôn Dinh, Đồi và Trung Phố, xã Mỹ Hà
15	Nhà máy nước sạch ĐNP	SKC	20,00	9,00	Các xã trên địa bàn huyện
16	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	0,60		Thôn Hương Mãn, xã Xuân Hương
17	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	1,00	1,00	Thôn Đức Thọ, xã Dương Đức
18	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	0,65	0,50	Thôn Vạc, xã Thái Đào
19	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	0,10		Thôn Trại Mới, xã Tân Hưng
V	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	1,00	0,70	
20	Mở rộng trường THCS xã Đào Mỹ	DGD	0,20	0,20	Thôn Tây Lò, xã Đào Mỹ
21	Mở rộng trường THCS và Mầm non xã Dương Đức	DGD	0,80	0,50	Thôn Chùa và thôn Đồng, xã Dương Đức
22	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,21	8,21	Các xã: Hương Sơn, Tân Thanh, Nghĩa Hưng, Hương Lạc, Mỹ Thái, Tiên Lục, Nghĩa Hòa, Dương Đức, Thái Đào, Phi Mô, Xương Lâm, Yên Mỹ
VII	Đất ở	ONT	39,80	36,89	
23	Khu đô thị mới thị trấn Kép		7,00	7,00	xã Tân Thịnh
24	Khu dân cư nông thôn		32,80	29,89	Các xã trong huyện
VIII	Đất chợ		0,25	0,25	
25	Mở rộng chợ Than		0,25	0,25	Xã Dương Đức
IX	Đất nuôi trồng thủy sản		28,35	10,35	
26	Đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác	NTS+NKH	10,00	2,00	Thôn Lái, xã Đại Lâm
27	Đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác	NTS+NKH	18,00	8,00	Thôn Cống, xã Thái Đào
28	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,35	0,35	Thôn Mái Hạ, xã Tân Thanh
Tổng Cộng:			125,65	84,62	